

Bản án số: 207/2026/DS-PT

Ngày 06/8/2026

*V/v “Tranh chấp đòi bồi
thường thiệt hại tài sản gửi giữ
và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Chí Công.

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Duy

Bà Cao Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thuý Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Nguyễn Thị Tú Oanh
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2026/TLPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2026 về việc “*Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại tài sản gửi giữ và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2026/DS-ST ngày 06/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Gia Lai bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 217/2026/QĐ-PT ngày 15 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn M; địa chỉ: E phố Q, phường H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Mạnh T - chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Thái B, sinh năm 1983; địa chỉ: E phố Q, phường H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần X; địa chỉ: thôn N, xã B, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Xuân H - chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Trung P; địa chỉ: thôn N, xã B, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Khương Đức D, Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần X giai đoạn 4/2010 đến ngày 01/6/2015.

4. Người kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn M.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đại diện nguyên đơn trình bày:*

Công ty TNHH M nợ được thành lập tại Quyết định số 109/2003/ QĐ-TTg ngày 05/06/2003 của Thủ tướng Chính phủ và chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01/04/2004. Ngày 06/04/2004 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 55/2004/QĐ-TTg xác định Công ty M nợ và tài sản tồn đọng là doanh nghiệp đặc biệt. Thực hiện nhiệm vụ được giao, căn cứ quy định của Thông tư số 38/2006/TT-BTC ngày 10/05/2006 của Bộ T1. Ngày 28/08/2012 Công ty M nợ tài sản tồn đọng của doanh nghiệp, nay là Công ty TNHH M (sau đây gọi tắt là C) và Công ty Cổ Phần X (sau đây gọi tắt là C1) đã ký biên bản bàn giao trên sổ sách các khoản nợ và tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp khi Cổ phần hóa. Trong quá trình chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần X đã xử lý một số tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp khi Cổ phần hóa trước thời điểm bàn giao cho DATC nguyên giá là 1.535.850.048 đ, giá trị còn lại là: 3.300.000đ, giá trị thực tế thu hồi là 101.325.000đ. Theo quy định tại điều 10, Thông tư số 57/2015/TT-BTC ngày 24/04/2015 của Bộ T1 doanh nghiệp phải nộp số tiền xử lý tài sản bàn giao là 101.325.000đ về Công ty TNHH M nợ và khoản lãi do chậm nộp tạm tính đến thời điểm ngày 31/10/2025 là 130.978.526đ.

Trong quá trình xử lý số tài sản tiếp nhận, sau khi đối chiếu chứng thư của cơ quan định giá (chứng thư số 12/10/43/ ĐS-ĐNg ngày 08/10/2012 của công ty Cổ phần X với số tài sản. DATC đã nhiều lần gửi công văn đề nghị SDY giải trình về số tài sản còn thiếu, cụ thể tại Công văn số 588/MBN-TN ngày 29/6/2016. Tuy nhiên, phía SDY thời kỳ ông Nguyễn Xuân K làm Tổng giám đốc có văn bản trả lời tại công văn số 491/CT/TCKT ngày 09/7/2016 là Công ty Cổ Phần X không liên quan và không biết số tài sản, vật tư, máy móc thiết bị hiện nay đang ở đâu. Do đó, DATC xác định số tài sản trên là tài sản mất mát, thiếu hụt và bên SDY phải bồi thường theo quy định của Thông tư số 57/2015/TT-BTC ngày 24/04/2015 và thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09 /2014 của Bộ T1, số tiền phải bồi thường là: 263.363.328đ.

Nay Cty DATC khởi kiện yêu cầu C1 phải:

- Thanh toán số tiền từ xử lý tài sản trước bàn giao cho DATC là 101.325.000đ và khoản lãi do nộp chậm tạm tính cho chúng tôi là 130.978.526đ (tiền lãi tạm tính đến ngày 31/10/2025)

- Bồi thường số tài sản thiếu hụt mất mát là 263.363.328đ.

Tổng cộng số tiền là: 495.666.854 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật cho đến khi trả hết khoản nợ trên.

** Đại diện bị đơn trình bày:*

Công ty Cổ phần X (sau đây gọi là C1) là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty S, được thành lập theo Quyết định số 936/QĐ-BXD ngày 03/07/2003. Sau khi Cổ phần hóa, Công ty được nhà nước nắm giữ 53,3% vốn điều lệ từ tháng 7/2003 đến tháng 02/2015. Vào tháng 2 năm 2015 thực hiện chủ trương tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước giai đoạn từ 2011-2015, Tổng công ty S đã thoái vốn toàn bộ phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần X. Tháng 12/2015, Công ty S1 do Công ty CP X nắm giữ Cổ phần chi phối thông qua giao dịch trên sàn chứng khoán. Kể từ khi Cổ phần hóa đến nay, Công ty đã nhiều lần thay đổi Ban lãnh đạo, quản lý, cũng như đội ngũ cán bộ, nhân viên; trong đó đặc biệt là thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Ông Bùi Xuân H nhận chức vụ Tổng Giám đốc và tiếp quản Công ty từ ngày 01/7/2017 nhưng ông H không được nhận bàn giao hồ sơ về quá trình Cổ phần hóa doanh nghiệp cũng như các khoản nợ và tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp và các vấn đề có liên quan đến khoản nợ của bên Nguyễn Đ, Ban điều hành mới và ông H không được nhận bàn giao. Do đó đại diện Cty SDY có ý kiến về việc Cty DATC khởi kiện như sau:

- Đối với khoản nợ 101.325.000đ tài sản xử lý trước khi bàn giao tài sản, ông H và đơn vị không được bàn giao đồng thời cũng không thể hiện trên hồ sơ sổ sách của Cty, nên Cty không chấp nhận khoản tài sản để xử lý này và tiền lãi chậm trả theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Đối với tài sản thiếu không còn hiện trạng thì khi thẩm định giá trị phải bồi thường là 263.363.326đ: Về tài sản này, qua tìm hiểu và thực tế từ thời điểm bên Công ty S1 nhận bàn giao từ ông Khương Đức D không xác định được danh tính vì tất cả hồ sơ và tài sản có liên quan đến sự việc trên đã trải qua thời gian quá lâu, hồ sơ bị thất lạc, thiết bị đã mục nát. Đồng thời, Ban lãnh đạo mới cũng không được bàn giao hồ sơ tài liệu nói trên nên không thể xác định được số tài sản này. Ông Khương Đức D không có bàn giao lại số tài sản gửi giữ này cho lãnh đạo đơn vị tiếp quản sau này. Cty không biết đến số tài sản này của Công ty mua bán nợ Việt Nam.

- Việc bàn giao tài sản của Công ty mua bán nợ Việt Nam cho ông Khương Đức D, Tổng giám đốc thời điểm đó thì đề nghị Công ty M làm việc lại với ông D xem ông D đã bàn giao lại tài sản gửi giữ cho ai hay đã xử lý tài sản đó như thế nào rồi. Sau khi ông D bàn giao chức Tổng giám đốc cho ông K thì Cty không biết ông D công tác và cư trú ở đâu.

- Vào ngày 09/7/2016, ông Nguyễn Xuân K là tổng giám đốc Công ty Cổ phần X đã có Công văn số 491/CT/TCKT gửi cho Công ty TNHH M nói rõ về số tài sản gửi giữ này rồi nhưng Công ty TNHH M cũng không có ý kiến làm việc với ban lãnh đạo của Tổng công ty S từ thời điểm đó để làm rõ trách nhiệm của tập thể hay cá nhân trong việc giữ tài sản này.

Nay Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần X phải thanh toán 02 khoản nợ nói trên thì Cty không đồng ý.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2026/DS-ST ngày 06/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Gia Lai đã quyết định: Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều*

39, Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 554, Điều 555 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Thông tư 38/2006/TT-BTC ngày 10/05/2006 của Bộ T1; Thông tư số 79/2011/TT-BTC ngày 08/06/2011 của Bộ T1; Thông tư số 57/2015/TT-BTC ngày 24/04/2015 của Bộ T1; Căn cứ các Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH M về việc buộc bị đơn Công ty Cổ phần X phải bồi thường số tài sản thiếu hụt mất mát là 263.363.328đ và trả số tiền từ xử lý tài sản trước bàn giao là 101.325.000đ và khoản lãi do nộp chậm tạm tính cho chúng tôi là 130.978.526đ (tiền lãi tạm tính đến ngày 31/10/2025), tổng cộng số tiền là: 495.666.854 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật cho đến khi trả hết khoản nợ trên.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Kháng cáo: Ngày 20 tháng 3 năm 2026 Công ty TNHH M kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 08/2026/DS-ST ngày 06/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Gia Lai.

* Kháng nghị: Ngày 19/3/2026 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Gia Lai ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐLNPT - VKS-DS. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2026/DS-ST ngày 06/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Gia Lai để xét xử lại.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Gia Lai.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị và kháng cáo, hủy bản án sơ thẩm, giao về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Gia Lai đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và trong thời hạn theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo và kháng nghị, thấy rằng:

[2.1] Về thủ tục tố tụng: Ông Khương Đức D là Tổng giám đốc Công ty cổ phần X từ tháng 4/2010 đến tháng 6/2015 và là người trực tiếp ký vào Biên bản bàn giao ngày 28/12/2012 với Công ty TNHH M. Tòa án cấp sơ thẩm xác định và đưa ông Khương Đức D tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh địa chỉ, nơi cư trú của ông D theo quy định của pháp luật; không thực hiện các biện pháp cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho ông D để ông D tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng Điều 70, 170 và 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Tại Biên bản bàn giao trên sổ sách các khoản nợ và tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp khi thực hiện cổ phần hóa giữa Công ty TNHH M và Công ty cổ phần X ngày 28/12/2012 thể hiện: Tổng Công ty S (Tập đoàn S2) là đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm chỉ đạo Công ty cổ phần X tiếp tục cung cấp các hồ, chứng từ có liên quan đến việc xử lý tài sản chưa bàn giao để Công ty mua bán nợ tiếp nhận bổ sung, tập trung nộp ngân sách nhà nước, đồng thời phối hợp với Công ty M1, bán nợ trong quá trình xử lý tài sản. Bên cạnh đó, tại thời điểm ký Biên bản bàn giao, Tổng công ty S là Công ty mẹ của Công ty cổ phần X nắm giữ 53,3% vốn điều lệ và sau đó đến tháng 02 năm 2015 Tổng công ty S đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần X. Như vậy giữa Tổng công ty S và Công ty cổ phần X đã xử lý, giải quyết như thế nào đối với phần tài sản không tính vào giá trị của doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo Biên bản bàn giao ngày 28/12/2012 với DATC trước khi Công ty CP X mua lại và nắm giữ Cổ phần chi phối. Mặt khác ngày 09/7/2016, công ty Cổ phần X có Công văn số 191/CT/TCKT do Tổng Giám đốc Nguyễn Xuân K ký gửi Công ty TNHH M, nêu rõ: “ Từ trước tháng 02/2015 Công ty Cổ phần X là công ty con thuộc Tổng công ty S. Tháng 02/2015 Tổng công ty S đã thoái toàn bộ phần vốn trên cho một số cá nhân, đến tháng 12/2015 Công ty Cổ phần X là công ty con của Công ty Cổ phần X. Khi chúng tôi mua phần vốn của Tổng công ty S và nhận bàn giao, trên sổ sách kế toán của Công ty không có bất kỳ số liệu nào liên quan đến tài sản của Công ty TNHH M. Theo tìm hiểu chúng tôi được biết một số tài sản đã bán thanh lý và hạch toán vào lợi nhuận từ trước năm 2010... đề nghị Công ty TNHH M làm việc với Tổng công ty S”. Như vậy việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty S nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Tổng công ty S vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng khoản 6 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Cũng tại Biên bản bàn giao ngày 28/8/2012 các bên có xác nhận, giá trị thực tế thu hồi chưa nộp cho nhà nước là 101.325.000đ và tài sản chưa bàn giao theo Chứng thư thẩm định giá ngày 08/10/2012 là 263.363.328đ. Tại Văn bản số 494/TCT-KT-PCT-QTRR ngày 08/5/2019 của Tổng Công ty S có quan điểm “Do đây là Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp nên các số liệu liên quan đó không thể hiện trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp. Công ty CP X với bất kỳ sự chuyển đổi chủ sở hữu cổ phần nào, đều là bên có trách nhiệm thực hiện Biên bản bàn giao đó với Công ty D1 do tài sản và hồ sơ được lưu giữ tại Công ty CP X theo đúng Biên bản bàn giao”. Về nguyên tắc chung, Tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp là tài sản không được chuyển giao cho công ty cổ phần X để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh mà được bàn giao cho DATC hoặc xử lý theo cơ chế riêng của Nhà nước. Công ty cổ phần X có trách nhiệm khi đã thực tế nhận bàn giao tài sản để giữ hộ hoặc quản lý; hoặc đã nhận

bản giao nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định và hồ sơ bản giao. Từ tháng 2 năm 2015 **Tổng công ty S** đã thoái vốn toàn bộ phần vốn nhà nước tại **Công ty Cổ phần X**, sau đó từ tháng 12/2015 **Công ty Cổ phần X** được **Công ty CP X** mua lại và nắm giữ Cổ phần chi phối và đến nay là Công ty cổ phần không có vốn góp của nhà nước. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập các biên bản bàn giao từ các đời Giám đốc qua các thời kỳ, đặc biệt là biên bản bàn giao từ ông **Khương Đức D** (Giám đốc thời kỳ 4/2010 đến tháng 6/2015) qua ông **Nguyễn Xuân K** và từ ông **Nguyễn Xuân K** (Giám đốc thời kỳ 6/2015 đến tháng 07/2017) qua ông **Bùi Xuân H** (Giám đốc thời kỳ 07/2017 đến nay) để làm rõ có hay không việc **Công ty Cổ phần X** đã thực tế nhận bàn giao các tài sản theo Biên bản bàn giao ngày 28/8/2012, mà quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đủ căn cứ vững chắc.

[3] Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; thu thập chứng cứ chưa đầy đủ; tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử không thể khắc phục được. Do đó cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Gia Lai, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[4]. Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của **Công ty TNHH M** và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Gia Lai. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2026/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2026 của của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Gia Lai; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 9 - Gia Lai giải quyết lại cho đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho **Công ty M** 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0003032 ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Thị hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 9- Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 9- Gia Lai;
- Thị hành án tỉnh Gia Lai.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Văn phòng TAND tỉnh.

Đặng Chí Công